

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST

Ngày: 06-11-2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Anh Đức.

2. Bà Võ Thị Vịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Yến O**, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 31/10 đường Trần Bình Trọng, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh S.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Ngọc X**, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Ông Nguyễn Minh Đ(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 13/41 ấp Đại Chí, xã Đại Tâm, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Yến O trình bày:

Vào ngày 27 tháng 3 năm 2016 bà Trần Thị Ngọc X mượn số tiền là 2.000.000 đồng để mua bán ve chai bà X hứa chiều trả nhưng bà X không trả, bà có đến tìm bà X nhiều lần nhưng bà X không trả, ngày 08/4/2019 bà có yêu cầu áp hòa giải nhưng không thành. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết buộc bà X và chồng bà là ông Nguyễn Minh Đạt có trách nhiệm trả cho bà số tiền 3.921.000 đồng gồm vốn và lãi.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Yến O thay đổi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Ngọc X và ông Nguyễn Minh Đạt phải trả cho bà số nợ gốc là 2.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của nhà nước tính từ ngày 27 tháng 3 năm 2016 cho đến khi kết thúc vụ án.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc X và ông Nguyễn Minh Đạt: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng bà X và ông Đạt vắng mặt cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Yến O.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên trình bày:

Trong quá trình thụ lý và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Ngọc X và ông Nguyễn Minh Đạt.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc X và ông Nguyễn Minh Đạt nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Yến O số tiền nợ gốc là 2.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần Thị Ngọc X và ông Nguyễn Minh Đạt đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị Ngọc X và ông Nguyễn Minh Đạt.

Tại phiên tòa hôm nay bà O thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà X và ông Đạt, cụ thể theo đơn khởi kiện bà O yêu cầu tính lãi từ ngày 01/3/2016 nhưng tại phiên tòa bà O yêu cầu bà X ông Đạt trả cho bà số tiền vốn

gốc là 2.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 27/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu của bà O tại phiên tòa là tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Yến O.

[2] Về nội dung: Vào ngày 27 tháng 3 năm 2016 bà Trần Thị Ngọc X có mượn tiền của bà Nguyễn Yến O số tiền là 2.000.000 đồng khi mượn bà X hẹn chiều thì trả nhưng bà không trả cho đến nay. Tại phiên hòa giải ngày 08/4/2019 của ấp Đại chí, xã Đại Tâm, huyện M bà X cũng thừa nhận có mượn tiền bà O số tiền là 2.000.000 đồng nhưng bà X cho rằng bà đã trả cho bà O mỗi ngày là 80.000 đồng và bà đã trả xong rồi.

[3] Xét lời thừa nhận của bà X có mượn tiền của bà O số tiền 2.000.000 đồng tại phiên hòa giải ngày 08/4/2019 tại nhà Văn hóa ấp Đại Chí, xã Đại Tâm, huyện M bà X cho rằng bà đã trả số tiền trên cho bà O xong nhưng bà X không chứng minh được việc bà có trả tiền cho bà O đây là nghĩa vụ buộc bà X phải chứng minh việc bà có trả số tiền mượn cho bà O theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự cho bà X và ông Đ nhưng bà X và ông Đ không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho việc bà đã trả số tiền cho bà O theo như lời trình bày của bà tại biên bản hòa giải ngày 08/4/2019. Vì vậy cần buộc bà X và ông Đ trả số tiền vốn cho bà O là 2.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với ông Nguyễn Minh Đ: Xét thấy bà X và ông Đ là vợ chồng, việc bà X mượn tiền để mua bán ve chai khi có lợi nhuận nhằm mục đích phục vụ chi phí sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện. Do đó, cần buộc bị đơn bà X và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mà hiện nay còn nợ cho bà Nguyễn Yến O là có cơ sở.

Vì vậy cần buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc X và ông Nguyễn Minh Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Yến O số tiền vốn là 2.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất: Theo quy định lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Việc bà O cho bà X mượn tiền nhưng không thỏa thuận lãi suất nhưng do bà X không trả tiền cho bà O đúng theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà O nên bà O yêu cầu tính lãi suất theo quy định từ ngày 27/3/2016 là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, tại thời điểm bà X mượn tiền ngày 27/3/2016 thời điểm này áp dụng khoản 4 Điều 474 và khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 lãi suất do Nhà nước công bố tại thời điểm năm 2016 là 9%/năm

(0,75%/tháng); đến khi xét xử thì áp dụng khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng) được áp dụng cụ thể như sau:

+ Từ ngày 27/3/2016 đến ngày 31/12/2016 số tiền 2.000.000đồng x 0,75% x 09 tháng 4 ngày = 137.000 đồng;

+ Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 06/11/2019 số tiền 2.000.000 đồng x 0,83% x 34 tháng 06 ngày = 567.720 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 704.720 đồng.

[6] Như vậy tổng số tiền vốn và lãi bà Trần Thị Ngọc X và ông Nguyễn Minh Đ phải trả cho bà Nguyễn Yến O là 2.704.720 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Yến O được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Nguyễn Yến O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Trần Thị Ngọc X và ông Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3; Điều 228; Điều 271; khoản 1, khoản 3 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 471; Điều 473; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27; Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Yến O về việc yêu cầu bà Trần Thị Ngọc X và ông Nguyễn Minh Đ phải trả số tiền vốn là 2.000.000 đồng và tiền lãi 704.720 đồng;

Buộc bà Trần Thị Ngọc X và ông Nguyễn Minh Đ phải trả cho Nguyễn Yến O số tiền vốn là 2.000.000 đồng và tiền lãi 704.720 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 2.704.720 đồng.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc X và ông Nguyễn Minh Đ phải chịu là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện

M. Bà Nguyễn Yến O được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008985 ngày 24/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh S.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà O có đơn yêu cầu thi hành án mà bà X và ông Đ chậm trả số tiền nêu trên cho bà O thì bà X và ông Đ phải trả lãi đối với số tiền trả chậm theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ; đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM

- VKS huyện M;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh S;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện MX;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhiệm